

B/o BT. TKlaul

D/m chuyên: Vy KARE

BỘ XÂY DỰNG  
TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 927/TCT-CLĐT

Hà Nội, ngày 13 tháng 6 năm 2017

V/v: Công bố thông tin theo quy định tại ND số 81/2015/ND-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ

**BỘ XÂY DỰNG**  
**CÔNG VĂN ĐẾN**  
Số: 10223.7  
Ngày 19/6/2017

Kính gửi: - Bộ Xây dựng;  
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện Nghị định số 81/2015/ND-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về việc công bố thông tin của doanh nghiệp Nhà nước, Tổng công ty Sông Đà xin báo cáo các nội dung sau:

1. Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện SXKD 03 năm (2014-2016) của Tổng công ty Sông Đà: Phụ lục số 01 kèm theo.
2. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 của Tổng công ty Sông Đà: Phụ lục số 02 kèm theo.

Tổng công ty Sông Đà kính báo cáo Bộ Xây dựng và Bộ Kế hoạch & Đầu tư.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐTV TCT (b/c);
- TGD, các PTGD TCT;
- Ban biên tập Website TCT (để công bố TT);
- Lưu VP, CLĐT.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Trần Văn Tuấn**

29/6  
Nhu  
3  
29/6

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN 3 NĂM (2014-:-2016)  
CỦA TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2017.*

**I. Tình hình SXKD**

**I.1 Những thuận lợi và khó khăn:**

**1. Thuận lợi:**

- Nền kinh tế thế giới và khu vực phục hồi đã tăng trưởng sau cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, tạo cơ hội cho kinh tế đất Việt Nam tiếp tục ổn định và phát triển.
- Việt Nam đang xây dựng mô hình một Chính phủ “liêm chính, kiến tạo và hành động”, Chính phủ đã và đang ban hành các chính sách để tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho các doanh nghiệp phát triển và hội nhập.
- Việc thực hiện tái cấu trúc lại các đơn vị trong TCT tập trung vào ngành nghề kinh doanh chính sẽ nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả SXKD.

**2. Khó khăn:**

- Hầu hết các công trình thủy điện lớn ở trong nước thuộc thể mạnh chính của TCT đã vào giai đoạn kết thúc. Bên cạnh đó, TCT tham gia vào các phân khúc xây lắp khác phải cạnh tranh khốc liệt với doanh nghiệp trong và ngoài nước nên việc tìm kiếm việc làm cho CBCNV và lực lượng xe máy thiết bị của TCT là hết sức khó khăn.
- Tiềm lực tài chính của TCT còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển.
- Áp lực trả nợ đến hạn đối với một số Công ty thành viên do TCT bảo lãnh hoặc là chủ thể hợp đồng là rất lớn.
- Thị trường chứng khoán diễn biến phức tạp, ảnh hưởng lớn đến việc thoái vốn của TCT cũng như việc CPH công ty mẹ - TCT Sông Đà.

Những nhân tố trên đã tạo ra những thuận lợi, cũng như xuất hiện nhiều khó khăn thách thức. Nhưng Ban lãnh đạo TCT đã đoàn kết thống nhất, từng bước khắc phục giải quyết khó khăn cùng với sự nỗ lực của toàn thể CBCNV trong TCT đã vượt qua khó khăn, thách thức để duy trì SXKD ổn định, cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch từng năm đã đề ra.

## I.2 Thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	NĂM 2014			NĂM 2015			NĂM 2016		
			Kế hoạch	Thực hiện	%HT KH	Kế hoạch	Thực hiện	%HT KH	Kế hoạch	Thực hiện	%HT KH
1	Tổng giá trị SXKD	10 <sup>9</sup> đ	23.000	28.376	123	18.700	24.320	130	14.500	17.024	117
2	Tổng doanh thu	10 <sup>9</sup> đ	19.500	24.692	127	16.800	17.502	104	12.600	12.326	98
3	Lợi nhuận trước thuế	10 <sup>9</sup> đ	110	278	253	300	571	190	215	675	314
4	Nộp nhà nước	10 <sup>9</sup> đ	720	1.452	202	900	1.104	123	580	910	157
5	Vốn chủ sở hữu	10 <sup>9</sup> đ	9.400	7.447	79	7.800	7.862	101	8.840	7.828	89
6	Tổng tài sản	10 <sup>9</sup> đ	41.500	45.692	110	38.000	31.665	83	30.000	31.901	106
7	Tổng số lao động bình quân	Ngư ời	27.600	20.285	73	16.500	17.200	104	15.200	15.027	99
8	Thu nhập BQ CBCNV/ tháng	10 <sup>3</sup> đ	5.700	6.929	122	7.084	8.600	121	8.700	8.850	102
9	Giá trị đầu tư	10 <sup>9</sup> đ	3.600	3.880	108	4.200	4.680	111	3.500	2.945	84

Có biểu chi tiết số 01 kèm theo

## I.3 Đánh giá tình hình thực hiện:

Trong các năm từ năm 2014 đến năm 2016, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn như đã nêu trên, nhưng TCT đã tập trung chỉ đạo thực hiện và đạt được những kết quả quan trọng, tạo điều kiện để Tổng công ty phát triển ổn định và bền vững, cụ thể như sau:

- Cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu đã đề ra: Tổng giá trị SXKD đạt 123%KH năm 2014, 130%KH năm 2015 và năm 2016 đạt 117%KH; Doanh thu đạt 127%KH năm 2014, 104%KH năm 2015 và năm 2016 đạt 98%KH; Lợi nhuận đạt 253%KH năm 2014, 190%KH năm 2015 và năm 2016 đạt 314%KH; Nộp nhà nước đạt 202%KH năm 2014, 123%KH năm 2015 và năm 2016 đạt 127%KH.
- Hoàn thành mục tiêu tiến độ các công trình trọng điểm; Đặc biệt TCT đã hoàn thành bàn giao thủy điện Lai Châu vào 20/12/2016, vượt tiến độ 1 năm so với tiến độ được duyệt; Đã đưa vào phát điện các nhà máy thủy điện: Xékaman 1, Huội Quảng, Đồng Nai 5, Nậm He, Hà Tây, Đăklô,...
- TCT Sông Đà đã và đang thực hiện Đề án Tái cấu trúc TCT Sông Đà theo Quyết định của Bộ Xây dựng phê duyệt.
- Công tác đấu thầu từ TCT đến các đơn vị thành viên và trong những năm qua (từ năm 2014) đã đạt được kết quả quan trọng. Hàng năm trúng thầu với giá trị khoảng 6.000 - 9.000 tỷ đồng/năm, góp phần đảm bảo việc làm gói đầu cho

những năm kế tiếp.

## **1. Về sản xuất kinh doanh:**

Trong các năm từ 2014-2016, mặc dù chịu ảnh hưởng lớn của sự suy giảm kinh tế trong nước, sự cạnh tranh gay gắt trong đấu thầu tìm kiếm việc làm, nhưng TCT Sông Đà đã tập trung chỉ đạo thực hiện, giữ vững ổn định sản xuất kinh doanh. Tổng giá trị SXKD các năm đều đạt và vượt kế hoạch đề ra: năm 2014 đạt 123%KH và năm 2015 đạt 130%KH và năm 2016 đạt 117%KH. Cụ thể:

*a. Ngành tổng thầu xây dựng và EPC:* Tỷ trọng bình quân ngành chiếm khoảng 50% tổng giá trị SXKD, chủ yếu là xây lắp các công trình thủy điện.

Về thực hiện mục tiêu, tiến độ các công trình trọng điểm: TCT đã cơ bản hoàn thành mục tiêu, tiến độ, đảm bảo chất lượng xây lắp các công trình trọng điểm; Trong đó, hoàn thành bàn giao các công trình thủy điện Đồng Nai 5, Huội Quảng, Lai Châu (sớm hơn 1 năm so với tiến độ phê duyệt) vào tháng 12/2015; Cơ bản hoàn thành xây dựng thủy điện Xêkaman 1 và đưa vào vận hành phát điện.

*b. Ngành sản xuất kinh doanh điện:*

Sản lượng điện trong các năm 2014 đến nay đều tăng trưởng do TCT đã tập trung giải quyết khó khăn để thực hiện đầu tư, đưa các dự án vào vận hành phát điện theo tiến độ đã đề ra, đến năm 2016 sản lượng điện đạt 3,5 tỷ Kwh.

*c. Ngành bất động sản:*

Trong giai đoạn 2014 - 2016 thị trường bất động sản mặc dù đã có dấu hiệu khởi sắc, nhưng hầu hết các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản đều gặp khó khăn, hoạt động đầu tư và kinh doanh giảm sút so với các năm trước đây.

## **II. Về hoạt động đầu tư:**

Trong giai đoạn 2014-2016, công tác đầu tư của TCT Sông Đà đã đạt được những kết quả như sau:

- Hoàn thành đầu tư và đưa vào vận hành phát điện 05 dự án TĐ: Xêkaman 1, Nậm He, Tô buông, Hà Tây, Đăk lô, với tổng công suất trong kỳ là 345 MW nâng tổng số lên hoạt động là 21 nhà máy với tổng công suất 1.156 MW. Hoàn thành đầu tư nâng cấp đường QL1A đoạn tránh TP Hà Tĩnh vào tháng 9/2015.
- Tổng công ty thường xuyên rà soát lại công tác đầu tư để tập trung nguồn lực đầu tư vào các dự án đang thực hiện đầu tư thuộc ngành nghề kinh doanh chính của TCT.
- Thực hiện đầu tư các dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công của các đơn vị theo kế hoạch để đảm bảo năng lực thi công các công trình trọng điểm của nhà nước và các công trình trúng thầu; Đảm bảo hiệu quả sau đầu tư.

- Chỉ đạo điều chỉnh linh hoạt phân khúc đầu tư các dự án bất động sản theo nhu cầu của thị trường để giải quyết tồn đọng và khó khăn của các doanh nghiệp bất động sản trong TCT.

### **III. Tình hình đầu tư tại các Công ty con: Có biểu chi tiết số 02 kèm theo**

Tổng công ty Sông Đà trân trọng báo cáo tình hình thực hiện SXKD và đầu tư 03 năm từ năm 2014 đến năm 2016 của TCT Sông Đà.

\*

\*       \*

BIỂU SỐ 01  
THỰC HIỆN SXKD NĂM 2014 - 2016 CỦA TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ  
Các chỉ tiêu chủ yếu

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	NĂM 2014			NĂM 2015			NĂM 2016		
			Kế hoạch	Thực hiện	%HTKH	Kế hoạch	Thực hiện	%HTKH	Kế hoạch	Thực hiện	%HTKH
A	B	C	4	5	6=5/4	7	8	9=8/7	7	8	9=8/7
I	<b>TỔNG GIÁ TRỊ SXKD</b>	10 <sup>9</sup> d	23.000	28.376	123	18.700	24.320	130	14.500	17.024	117
	<i>Chia theo ngành:</i>										
1	Tổng thầu xây dựng và EPC	10 <sup>9</sup> d	13.000	15.660	120	11.000	14.910	136	9.300	9.350	101
2	Sản xuất điện	10 <sup>9</sup> d	2.500	2.620	105	2.650	2.680	101	3.300	3.420	104
3	Sản xuất thép	10 <sup>9</sup> d	3.350	4.043	121	3.300	3.345	101			
4	Sản xuất xi măng	10 <sup>9</sup> d	2.450	2.743	112						
5	Kinh doanh nhà	10 <sup>9</sup> d	650	1.790	275	850	1.920	226	1.000	1.940	194
6	Giá trị kinh doanh khác	10 <sup>9</sup> d	1.050	1.520	145	900	1.465	163	900	1.540	171
II	<b>CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH</b>										
1	Tổng doanh thu	10 <sup>9</sup> d	19.500	24.692	127	16.800	17.502	104	12.600	12.395	98
2	Lợi nhuận trước thuế	10 <sup>9</sup> d	110	278	253	300	571	190	215	675	314
3	Nộp nhà nước	10 <sup>9</sup> d	720	1.452	202	900	1.104	123	580	738	157
4	Vốn chủ sở hữu	10 <sup>9</sup> d	9.400	7.447	79	7.800	7.862	101	8.840	7.828	89
5	Tổng tài sản	10 <sup>9</sup> d	41.500	45.692	110	38.000	31.665	83	30.000	31.901	106
6	Tỷ suất LN trước thuế/DT	%	0,5%	1,1%	225	1,8%	3,3%	183	1,7%	5,4%	
7	Tỷ suất LN trước thuế/VCSH	%	1,1%	3,7%	339	3,8%	7,3%	189	2,4%	8,6%	

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	NĂM 2014			NĂM 2015			NĂM 2016		
			Kế hoạch	Thực hiện	%HTKH	Kế hoạch	Thực hiện	%HTKH	Kế hoạch	Thực hiện	%HTKH
A	B	C	4	5	6=5/4	7	8	9=8/7	7	8	9=8/7
8	Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	lần	4,45	5,1	115	3,87	3,03	78	2,39	3,08	128,47
<b>III</b>	<b>LAO ĐỘNG VÀ THU NHẬP</b>										
1	Nhu cầu lao động bình quân	Người	27.600	20.285	73	16.500	17.200	104	15.200	15.027	99
2	Thu nhập BQ 1 CBCNV/ tháng	10 <sup>3</sup> d	5.700	6.929	122	7.084	8.600	121	8.700	8.850	102
<b>III</b>	<b>KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ</b>	10 <sup>9</sup> d	<b>3.600</b>	<b>3.880</b>	<b>108</b>	<b>4.200</b>	<b>4.680</b>	<b>111</b>	<b>3.500</b>	<b>2.950</b>	<b>84</b>
<b>IV</b>	<b>CÁC SẢN PHẨM CHỦ YẾU</b>										
+	Điện	10 <sup>6</sup> Kwh	2.770	2.792	101	2.710	2.725	101	3.640	3.466	95
+	Thép xây dựng	10 <sup>3</sup> tấn	210	269	128	250	287	115			
+	Phôi thép	10 <sup>3</sup> tấn	240	262	109	260	235	90			
+	Clinker	10 <sup>3</sup> tấn	165	1.710	1.036						
+	Xi măng	10 <sup>3</sup> tấn	900	946	105						

BIỂU SỐ 02  
TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NĂM CỔ PHẦN CHI PHỐI

(Đơn vị: tỷ đồng)

TT	Tên DN	Thực hiện năm 2014			Thực hiện năm 2015			Thực hiện năm 2016			Ghi chú
		Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ góp vốn của Công ty mẹ	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ góp vốn của Công ty mẹ	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ góp vốn của Công ty mẹ	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	
1	Công ty CP Sông Đà 3	159,99	51,00%	82,94	159,99	51,00%	82,94	159,99	51%	82,94	
2	Công ty CP Sông Đà 4	103,00	65,70%	65,70	103,00	65,70%	65,70	103,00	65%	65,70	
3	Công ty CP Sông Đà 5	260,00	64,16%	201,91	260,00	64,16%	201,91	260,00	64%	201,91	
4	Công ty CP Sông Đà 6	347,72	65,00%	193,38	347,72	65,00%	193,38	347,72	65%	193,38	
5	Công ty CP Sông Đà 9	305,66	58,50%	195,23	305,66	58,50%	195,23	342,34	59%	195,23	
6	Công ty CP Sông Đà 10	427,32	62,27%	268,34	427,32	62,27%	268,34	427,32	62%	268,34	
7	Công ty CP ĐT&PT điện Sê San 3A	280,00	51,00%	142,80	280,00	51,00%	142,80	280,00	51%	142,80	
8	Công ty CP TĐ Nậm Chiến	951,25	58,58%	557,25	951,25	58,58%	557,25	951,25	59%	557,25	
	Trong đó:										
-	Công ty mẹ		54,51%	518,53		54,51%	518,53		54,51%	518,53	
-	UTĐT		4,07%	38,72		4,07%	38,72		4,07%	38,72	
9	Công ty CP TĐ Cản Đơn	459,99	50,96%	195,18	459,99	50,96%	195,18	459,99	51%	195,18	
10	Công ty CP Tư vấn Sông Đà	26,10	51,01%	9,29	26,10	51,01%	9,29	26,10	51%	9,29	
11	Công ty CP PCCC & ĐTXD Sông Đà	25,00	51,00%	12,75	25,00	51,00%	12,75	25,00	51%	12,75	
12	Công ty CP TĐ Hương Sơn	285,62	59,68%	173,99	285,62	59,68%	170,47	285,62	58%	163,79	
	Trong đó:										
-	Công ty mẹ		53,86%	153,84		53,86%	153,84		54%	153,84	
-	UTĐT		5,82%	20,15		5,82%	16,62		5%	9,95	
13	Công ty TNHH 1 thành viên Hạ tầng Sông Đà	161,31	100,00%	161,31	161,31	100%	161,31	161,31	100%	161,31	
14	Cty CP Sông Đà 2 (*)	120,00	40,77%	57,27	144,24	40,8%	57,27	144,24	40,8%	57,27	
15	Cty CP Sông Đà 12 (*)	50,00	49,00%	24,50	50,00	49%	24,50	50,00	49%	24,50	
16	Công ty CP Cơ khí lắp máy Sông Đà (*)	77,35	46,15%	39,99	83,54	46%	39,99	83,54	46%	39,99	
17	Công ty TNHH 1 thành viên phát triển nhà Khánh Hòa	69,41	100,00%	69,41	69,41	100%	69,41				CPH năm 2016, giảm tỷ lệ vốn góp 36%



(Đơn vị: tỷ đồng)

TT	Tên DN	Thực hiện năm 2014			Thực hiện năm 2015			Thực hiện năm 2016			Ghi chú
		Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ góp vốn của Công ty mẹ	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ góp vốn của Công ty mẹ	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ góp vốn của Công ty mẹ	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	
18	Công ty CP Sông Đà Hà Nội	40,00	55,00%	22,00	40,00	55,00%	22,00				
19	Công ty CP thép Việt - ý	492,20	53,04%	271,36	492,20	53,04%	271,36				Thoái vốn năm 2016
20	Công ty CP xi măng Sông Đà Yaly	45,00	53,33%	23,48							Thoái vốn năm 2016
21	Công ty CP điện Việt - Lào	1.981,53	55,39%	1.097,66							Thoái vốn năm 2015
22	Công ty CP XM Hạ Long	982,00	58,93%	578,69							Giảm tỷ lệ vốn góp 44,77%
23	Công ty CP SIMCO Sông Đà	131,03	51,00%	46,41							Thoái vốn năm 2016
	<b>Tổng cộng</b>			<b>4.490,84</b>			<b>2.741,07</b>			<b>2.371,63</b>	Thoái vốn năm 2015

Ghi chú: (\*) là Các công ty con do Tổng công ty nắm giữ dưới 50% quyền biểu quyết nhưng có quyền bỏ đa số phiếu tại cuộc họp HĐQT

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 29 tháng 7 năm 2017



GIÁM ĐỐC

*Nguyễn Hoàng Đức*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

# TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Sông Đà (sau đây gọi tắt là "Tổng công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Báo cáo tài chính của Tổng công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn").

### Khái quát về Tổng Công ty

Tổng công ty Sông Đà là Tổng công ty Nhà nước được thành lập theo Quyết định 996/BXD-TCLĐ ngày 15 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng với tên gọi Tổng công ty Xây dựng Sông Đà trên cơ sở tổ chức, sắp xếp lại các đơn vị của Tổng công ty Xây dựng Sông Đà trực thuộc Bộ Xây dựng; Quyết định số 225/QĐ-BXD ngày 11 tháng 3 năm 2002 của Bộ Xây dựng đổi tên thành Tổng công ty Sông Đà.

Tổng công ty Sông Đà được chuyển sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 2435/QĐ-BXD ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Xây dựng.

Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Công ty Mẹ - Tập đoàn Sông Đà trên cơ sở tổ chức lại bộ máy quản lý, điều hành, tham mưu, giúp việc; các Ban quản lý, điều hành dự án; các đơn vị phụ thuộc và đơn vị sự nghiệp của Tổng công ty Sông Đà. Công ty Mẹ - Tập đoàn Sông Đà có trách nhiệm kế thừa các quyền, nghĩa vụ pháp lý và lợi ích hợp pháp của Tổng công ty Sông Đà.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 937/QĐ-BXD thành lập Tổng công ty Sông Đà trên cơ sở tổ chức lại Công ty mẹ - Tập đoàn Sông Đà và các đơn vị thành viên của Tổng công ty Sông Đà trước đây. Tổng công ty Sông Đà hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con hình thành trên cơ sở tổ chức lại bộ máy quản lý, điều hành, tham mưu giúp việc; các Văn phòng đại diện, Ban quản lý dự án, Ban điều hành dự án; các đơn vị phụ thuộc khác và đơn vị sự nghiệp của Công ty mẹ - Tập đoàn Sông Đà (thành lập theo Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ).

Tổng công ty Sông Đà được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên lần đầu ngày 13 tháng 4 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 07 tháng 5 năm 2014.

### Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : (04) 3 854 1164
- Fax : (04) 3 854 1161
- Email : [banbientap@songda.vn](mailto:banbientap@songda.vn)
- Website : <http://www.songda.vn>
- Mã số thuế : 0100105870

**Ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty** (theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0100105870 ngày 07 tháng 5 năm 2014):

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Tổng thầu xây lắp (tổng thầu EPC) và thi công xây lắp các công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, điện, thủy lợi tổ hợp các công trình ngầm; Thi công và xử lý nền móng công trình;
- Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh điện thương phẩm;

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Chế tạo và lắp đặt các thiết bị, máy móc công nghiệp;
  - Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng;
  - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng;
  - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư phát triển và kinh doanh khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế; cho thuê văn phòng;
  - Đóng tàu và cấu kiện nổi (trừ thiết kế phương tiện vận tải);
  - Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác). Chi tiết: Sửa chữa tàu, thuyền;
  - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn thiết kế và tổng thầu tư vấn thiết kế các dự án đầu tư, xây dựng;
- 
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
  - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
  - Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: Tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ;
  - Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Đào tạo phát triển nguồn nhân lực chuyên ngành về bất động sản và xây dựng;
  - Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Xuất khẩu lao động (doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép);
  - Đại lý du lịch;
  - Điều hành tua du lịch;
  - Khách sạn (không bao gồm kinh doanh quán-bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
  - Phá dỡ. Chi tiết: Dịch vụ nổ mìn (đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)/.

**Hội đồng thành viên và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban điều hành, quản lý của Tổng công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng thành viên**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Dương Khánh Toàn	Chủ tịch	Ngày 26 tháng 10 năm 2012
Ông Nguyễn Doãn Hành	Thành viên	Ngày 26 tháng 10 năm 2012
Ông Lê Văn Tôn	Thành viên	Ngày 26 tháng 10 năm 2012
Ông Hồ Văn Dũng	Thành viên	Ngày 25 tháng 4 năm 2014
Ông Nguyễn Kim Tới	Thành viên	Ngày 10 tháng 11 năm 2014

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Hồ Văn Dũng	Tổng Giám đốc	Ngày 25 tháng 4 năm 2014
Ông Kim Mạnh Hà	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 02 tháng 01 năm 2013
Ông Trần Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 02 tháng 01 năm 2013
Ông Nguyễn Văn Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 11 tháng 11 năm 2014

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Tiến	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 17 tháng 12 năm 2014
Ông Trần Văn Thạnh	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 19 tháng 5 năm 2015

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Hồ Văn Dũng – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2014).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tổng công ty.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tổng công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,  
**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Ngày 22 tháng 01 năm 2017 **Trần Văn Tuấn**



**BAKER TILLY  
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C  
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City  
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City  
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City  
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Can Tho City  
www.a-c.com.vn

Số: 376/2017/BCTC-KTTV

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng công ty Sông Đà (sau đây gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (gọi chung là "Tổng công ty"), được lập ngày 22 tháng 5 năm 2017, từ trang 07 đến trang 63, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

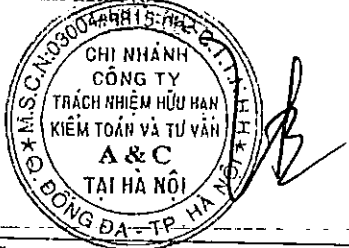
## BÁO CÁO KIỂM TOÁN (tiếp theo)

---

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty Sông Đà tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C  
Chi nhánh Hà Nội



---

Nguyễn Thị Tư – Phó Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0059-2013-008-1

Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2017

---

*Nguyen Toan*

Lê Trọng Toàn - Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2963-2015-008-1

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>100</b>		<b>13.078.547.243.756</b>	<b>14.835.049.754.77</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>799.271.913.853</b>	<b>1.443.770.949.65</b>
1.	Tiền	111		767.771.913.853	1.024.273.006.31
2.	Các khoản tương đương tiền	112		31.500.000.000	419.497.943.34
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>120</b>		<b>118.436.002.064</b>	<b>65.919.082.60</b>
1.	Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	42.440.486.818	15.857.052.45
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(9.046.484.754)	(7.770.947.954)
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	85.042.000.000	57.832.978.101
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>130</b>		<b>8.431.829.771.198</b>	<b>9.106.070.106.407</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	3.886.632.479.984	3.991.974.702.929
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	391.429.019.529	890.183.577.654
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	116.908.105.189
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	3.584.858.361.426	3.069.417.192.213
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	839.109.484.968	1.298.354.133.928
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(270.490.657.463)	(261.193.442.096)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		291.082.754	425.836.590
<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>3.516.566.364.081</b>	<b>3.951.266.548.346</b>
1.	Hàng tồn kho	141		3.517.347.511.864	3.965.835.642.547
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(781.147.783)	(14.569.094.201)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>150</b>		<b>212.443.192.560</b>	<b>268.023.067.763</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	81.963.712.433	70.656.556.319
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		124.731.449.200	192.675.926.722
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	5.748.030.927	4.690.584.722
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



# TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>18.822.499.180.466</b>	<b>20.290.468.143.899</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.300.716.950.660</b>	<b>3.139.244.150.295</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	728.879.428.738	832.614.473.902
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	1.335.238.127.179	2.057.795.603.996
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	240.805.774.505	253.040.452.159
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(4.206.379.762)	(4.206.379.762)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>11.592.003.641.410</b>	<b>12.066.688.098.539</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	11.576.897.955.397	12.020.877.973.489
<i>Nguyên giá</i>	222		18.658.480.931.438	19.165.978.679.366
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(7.081.582.976.041)	(7.145.100.705.877)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	-	6.381.538.848
<i>Nguyên giá</i>	225		-	10.685.299.943
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	(4.303.761.095)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	15.105.686.013	39.428.586.202
<i>Nguyên giá</i>	228		19.137.754.828	47.103.020.579
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4.032.068.815)	(7.674.434.377)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	V.12	<b>2.688.694.417</b>	<b>2.523.448.917</b>
<i>Nguyên giá</i>	231		4.753.334.443	4.588.088.943
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(2.064.640.026)	(2.064.640.026)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.358.715.852.640</b>	<b>1.508.663.390.998</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	1.358.715.852.640	1.508.663.390.998
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>3.326.970.615.420</b>	<b>3.229.011.680.005</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	2.701.473.657.472	2.825.307.996.738
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2d	731.343.027.702	566.210.787.722
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2d	(106.211.069.754)	(162.872.104.455)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	365.000.000	365.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>241.403.425.919</b>	<b>344.337.375.145</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	214.572.859.323	314.881.772.177
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		5.018.260.126	4.968.190.670
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		17.534.850.395	18.185.589.195
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.14	4.277.456.075	6.301.823.103
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>31.901.046.424.222</b>	<b>35.125.517.898.673</b>

# TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>24.072.257.044.172</b>	<b>27.263.304.589.46</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>12.950.608.404.149</b>	<b>14.777.567.076.71</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15a	2.475.182.490.237	2.955.993.750.77
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	874.373.791.128	1.658.035.357.63
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	249.189.643.647	322.241.099.04
4. Phải trả người lao động	314		360.398.210.334	393.983.459.91
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	958.380.865.266	1.177.443.577.31
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		4.703.336.381	2.752.740.671
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	670.551.801.680	404.613.687.30
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	7.287.873.718.208	7.807.465.065.42
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		69.954.547.268	55.038.338.629
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>11.121.648.640.023</b>	<b>12.485.737.512.749</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.15b	275.116.526.945	309.224.753.603
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		89.200.069.975	46.595.569.720
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	307.096.452.630	311.792.209.663
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	10.416.193.761.666	11.809.174.380.974
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		9.148.366.651	4.907.098.977
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		24.223.049.837	3.373.087.493
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		670.412.319	670.412.319

# TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh		
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>7.828.789.380.050</b>	<b>7.862.213.309.213</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.21</b>	<b>7.828.754.784.453</b>	<b>7.862.178.713.616</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.869.212.964.970	1.917.731.535.152
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.869.212.964.970	1.917.731.535.152
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		121.566.385.284	121.679.217.013
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		32.029.583.639	38.696.604.936
5. Cổ phiếu quỹ	415		(316.235)	(316.235)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	(10.557.065.036)
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.292.025.761.535	1.245.668.591.715
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		112.245.563.186	76.161.868.993
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		6.798.115.744	448.572.947
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.498.930.422.320	1.375.659.673.083
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.140.332.056.653	1.375.659.673.083
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		358.598.365.668	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		5.760.351.578	5.760.351.578
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.890.185.952.432	3.090.929.679.470
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>34.595.597</b>	<b>34.595.597</b>
1. Nguồn kinh phí	431		34.595.597	34.595.597
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>31.901.046.424.222</b>	<b>35.125.517.898.673</b>

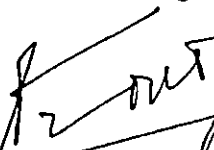
Lập, ngày 22 tháng 5 năm 2017

Người lập biểu



Lê Thị Mai Hương

Kế toán trưởng



Phạm Văn Việt



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Văn Tuấn

112  
 H  
 NG  
 HIEU  
 AN  
 A &  
 V H  
 ĐÀ

# TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	9.970.629.542.780	17.170.847.793.671
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		68.848.602.968	138.491.654.644
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		9.901.780.939.812	17.032.356.139.035
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	7.795.764.687.618	14.526.560.804.701
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.106.016.252.194	2.505.795.334.334
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	412.078.524.523	394.550.216.032
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.286.049.265.991	1.573.946.450.550
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.319.437.808.079	1.411.936.261.391
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	VI.9	146.233.187.893	192.839.399.954
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	5.804.360.715	67.379.583.176
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	726.972.123.760	910.630.919.320
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		645.502.214.144	541.227.997.274
12. Thu nhập khác	31	VI.7	73.969.393.378	75.177.775.885
13. Chi phí khác	32	VI.8	44.590.823.930	45.273.221.766
14. Lợi nhuận khác	40		29.378.569.448	29.904.554.119
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		674.880.783.592	571.132.551.393
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	83.983.781.073	112.011.578.245
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		4.787.890.053	6.883.812.650
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>586.109.112.466</u>	<u>452.237.160.498</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>358.598.365.668</u>	<u>575.933.960.565</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>227.510.746.798</u>	<u>(123.696.800.067)</u>

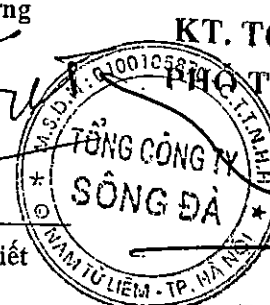
Lập, ngày 22 tháng 5 năm 2017

Người lập biểu

Lê Thị Mai Hương

Kế toán trưởng

Phạm Văn Việt



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHỤ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Văn Tuấn

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		674.880.783.592	571.132.551.393
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		938.305.314.343	959.804.568.931
- Các khoản dự phòng	03		80.726.191.296	68.169.382.692
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		31.367.378.922	102.279.796.138
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(413.626.119.282)	(528.481.274.825)
- Chi phí lãi vay	06		1.319.437.808.079	1.411.936.261.390
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.631.091.356.950	2.584.841.285.719
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		846.406.578.280	(1.046.542.159.861)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		448.488.130.683	725.262.445.918
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1.284.669.527.803)	485.080.498.768
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		89.001.756.740	32.680.831.227
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(26.583.434.364)	13.363.800.484
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.366.195.333.137)	(1.430.553.183.488)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(81.491.601.971)	(144.071.354.617)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		56.799.147.345	7.363.037.443
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(91.874.945.319)	(91.227.935.240)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>1.220.972.127.404</b>	<b>1.136.197.266.353</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(806.370.701.725)	(647.595.042.838)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		46.379.944.155	37.218.184.721
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(439.725.152.340)	(409.751.313.264)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		619.632.438.045	503.745.713.109
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(8.007.810.000)	(34.524.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		450.879.262.436	264.425.183.489
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		303.839.979.844	141.408.230.108
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>166.627.960.415</b>	<b>(145.073.044.675)</b>

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-		-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-		-	
3. Tiền thu từ đi vay	33		7.641.251.272.558		13.619.037.101.801	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(9.553.823.239.085)		(14.424.734.528.578)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-		(1.422.776.236)	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(119.778.602.696)		(402.529.099.485)	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u><i>(2.032.350.569.223)</i></u>		<u><i>(1.209.649.302.498)</i></u>	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(644.750.481.404)		(218.525.080.820)	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	1.443.770.949.657		1.662.382.648.767	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		251.445.600		(86.618.290)	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>799.271.913.853</u>		<u>1.443.770.949.657</u>	

Người lập biểu

Lê Thị Mai Hương

Kế toán trưởng

Phạm Văn Việt

Lập, ngày 22 tháng 5 năm 2017

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Văn Tuấn